# MARKET LENS

**Phiên giao dịch ngày:** *5/11/2018*

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| Index | 925.53 | 105.54 |
| % Thay đổi | 0.07% | -0.20% |
| KLGD (CP) | 133,567,755 | 34,832,578 |
| GTGD (tỷ đồng) | 2,863.27 | 498.97 |
| Tổng cung (CP) | 429,930,380 | 65,489,300 |
| Tổng cầu (CP) | 467,451,520 | 60,052,400 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|---|---|---|
| KL bán (CP) | 9,003,279 | 548,604 |
| KL mua (CP) | 11,447,190 | 330,710 |
| GTmua (tỷ đồng) | 514.33 | 5.80 |
| GT bán (tỷ đồng) | 450.56 | 2.72 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 63.76 | 3.08 |

**Tương quan cung cầu** HOSE

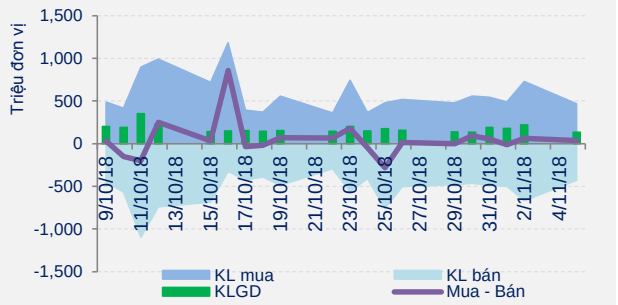


**Giá trị Giao dịch NDTNN** HOSE

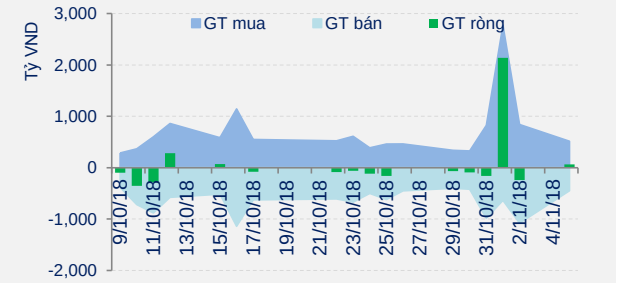


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---|---|---|---|---|
| Công nghệ Thông tin | -0.74% | 8.5 | 2.0 | 0.5% |
| Công nghiệp | 0.21% | 14.4 | 3.3 | 15.9% |
| Dầu khí | 1.73% | 11.7 | 2.3 | 7.1% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | -0.33% | 16.8 | 4.4 | 2.0% |
| Dược phẩm và Y tế | 0.31% | 14.1 | 2.5 | 1.0% |
| Hàng Tiêu dùng | -0.35% | 17.8 | 5.9 | 20.5% |
| Ngân hàng | 0.51% | 11.7 | 2.1 | 21.3% |
| Nguyên vật liệu | 0.16% | 10.0 | 1.8 | 10.3% |
| Tài chính | -0.04% | 31.1 | 3.4 | 18.3% |
| Tiện ích Cộng đồng | -0.27% | 13.1 | 3.3 | 2.9% |
| VN - Index | 0.07% | 16.9 | 3.8 | 110.9% |
| HNX - Index | -0.20% | 9.6 | 1.6 | -10.9% |

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên giao dịch trước khi lực cầu gia tăng trong phiên ATC giúp VN-Index kết phiên trong sắc xanh nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 0,67 điểm (+0,07%) lên 925,53 điểm; HNX-Index giảm 0,21 điểm (-0,2%) xuống 105,54 điểm. Thanh khoản trên hai sàn sụt giảm và ở dưới mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 3.668 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 171 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 785 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là trung tính với 225 mã tăng, 115 mã tham chiếu, 237 mã giảm. Áp lực bán ngay từ đầu phiên là không quá mạnh, nhưng lực cầu lại tỏ ra hết sức thận trọng khiến cho bên bán chiếm ưu thế đã khiến thị trường giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian giao dịch. Về cuối phiên, lực cầu mạnh dần giúp mức giảm được thu hẹp lại và trong phiên ATC, chỉ số VN-Index đã được kéo lên trên tham chiếu. Các trụ cột góp công lớn có thể kể đến như VRE (+3,5%), BID (+1,1%), VCB (+0,5%), PLX (+1,5%), TCB (+0,9%), MSN (+0,8%), SAB (+0,5%), VPB (+1%)... Chiều ngược lại, nhóm vốn hóa lớn có sự phân hóa mạnh khi mà VNM (-1,7%), BVH (-3%), NVL (-1,7%), GAS (-0,4%), BHN (-2,5%), MWG (-1%), FPT (-0,8%), STB (-0,4%)... đều giảm. Trên sàn HNX, các trụ cột như NTP (-7,7%), ACB (-0,7%), VNR (-4,1%), DGC (-1,7%), DBC (-3,2%) đều giảm đã khiến chỉ số HNX-Index giảm nhẹ trong phiên đầu tuần.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Phiên giao dịch đầu tuần đã diễn ra không mấy hứng khởi với nền tảng thanh khoản thấp và VN-Index chỉ thoát sắc đỏ trong vài phút cuối phiên. Phiên giảm của thị trường chứng khoán Mỹ cuối tuần trước đã có tác động nhất định đến tâm lý nhà đầu tư hôm nay. Có thể thấy là cung giá cao vẫn luôn tiềm ẩn chỉ chờ thời cơ để bán ra, trong khi đó lực cầu vẫn chưa thực sự ấn tượng để giúp chỉ số hồi phục rõ nét hơn. Với diễn biến như hiện tại và thông tin bên ngoài không có gì quá đột biến thì tình trạng rung lắc sẽ tiếp tục trong phiên tiếp theo với kháng cự mạnh tương ứng với trendline tăng trưởng từ 2016 đến nay trong khoảng 930-940 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch 6/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng để tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 930-940 điểm. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên canh chốt lời cổ phiếu trong khoảng giá 930-940 điểm và nên hạn chế mua đuổi trong thời gian này do xu hướng thị trường vẫn còn rất rủi ro sau khi trendline tăng trưởng dài hạn bị xuyên thủng.

# MARKET LENS

**Phiên giao dịch ngày: 5/11/2018**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian phiên giao dịch, chạm mức đáy trong phiên tại 915,77 điểm. Trong phiên ATC, lực cầu bất ngờ tăng mạnh lên giúp chỉ số kết phiên tại mức giá cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 0,67 điểm (+0,07%) lên 925,53 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VRE tăng 1.050 đồng, BID tăng 350 đồng, VCB tăng 300 đồng. Ở chiều ngược lại, VNM giảm 2.000 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, đạt mức cao nhất trong phiên tại 106,24 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cung tăng dần khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, tạo đáy trong phiên tại 104,2 điểm. Về cuối phiên, lực cầu mạnh dần giúp thu hẹp mức giảm của chỉ số. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,21 điểm (-0,2%) xuống 105,54 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NTP giảm 3.400 đồng, ACB giảm 200 đồng, VNR giảm 900 đồng. Ở chiều ngược lại, PHP tăng 1.100 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 63,76 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 2,4 triệu cổ phiếu. HPG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 100,3 tỷ đồng tương ứng với 2,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là MSN với 56,1 tỷ đồng tương ứng với 667 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VFG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 80,3 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị 3 tỷ đồng. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 4,1 tỷ đồng tương ứng với 217 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCS với 371 triệu đồng tương ứng với 4,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 728,5 triệu đồng tương ứng với 100 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Toàn cảnh bức tranh thành lập doanh nghiệp tháng 10/2018

Trong tháng 10/2018, số doanh nghiệp được thành lập mới là 13.000 với số vốn đăng ký là 152.541 tỷ; so với cùng kỳ năm 2017, tăng 16,5% về số doanh nghiệp, tăng 27,9% về số vốn...

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:

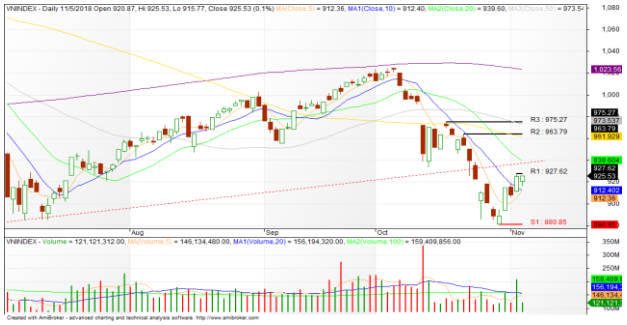

VN-Index tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần, khối lượng khớp sụt giảm và ở dưới mức trung bình 20 phiên với 121 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 912 điểm (MA5-10) và ngưỡng kháng cự tại 935 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số tiếp tục là tiêu cực với vùng kháng cự trong khoảng 960-970 điểm (MA50-100). Về xu hướng dài hạn, VN-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 1.020 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch 6/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng để tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 930-940 điểm.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần, khối lượng khớp lệnh sụt giảm và ở dưới mức trung bình 20 phiên với 30 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tích cực với vùng hỗ trợ trong khoảng 103,5-104,5 điểm (MA5-10) và ngưỡng kháng cự tại 106,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số tiếp tục là tiêu cực với vùng kháng cự 108,5-110,5 điểm (MA50-100). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 117 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch 6/11, HNX-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để tiến gần ngưỡng kháng cự 106,5 điểm (MA20).

| TIN TRONG NƯỚC | |
|---|---|
| **Giá vàng trong nước giảm** | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 36,45 - 36,55 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) không đổi ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra. |
| **Tỷ giá trung tâm giảm 2 đồng** | Tỷ giá trung tâm VND/USD hôm nay được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.723 đồng/USD, giảm 2 đồng so với cuối tuần trước. |
| **TIN QUỐC TẾ** | |
| **Giá vàng thế giới tăng** | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 1,9 USD/ounce tương ứng với 0,15% lên 1.235,2 USD/ounce. |
| **Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm** | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,02 điểm tương ứng với 0,02% xuống 96,53 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1385 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2995 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,18 JPY. |
| **Giá dầu thế giới giảm** | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,42 USD/thùng tương ứng với 0,67% xuống 62,72 USD/thùng. |
| **Chứng khoán Mỹ giảm điểm** | Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/11, chỉ số Dow Jones giảm 109,91 điểm tương ứng 0,43% xuống 25.270,83 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 77,06 điểm tương ứng 1,04% xuống 7.356,99 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 17,31 điểm tương ứng 0,63% xuống 2.723,06 điểm. |

## KLGD và VN-Index trong phiên

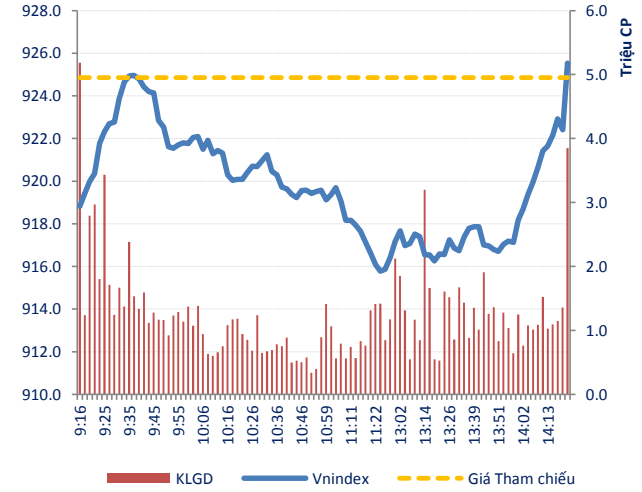


## KLGD và HNX-Index trong phiên

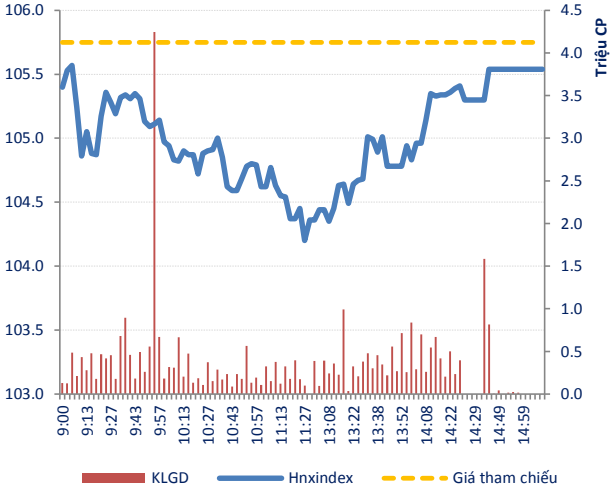


## Biến động giá phân theo nhóm Ngành

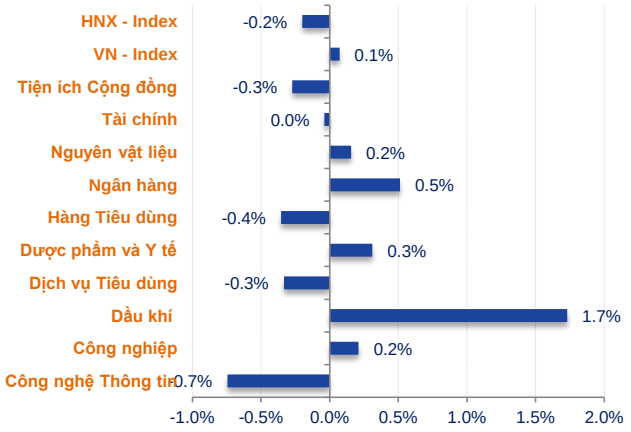


## Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

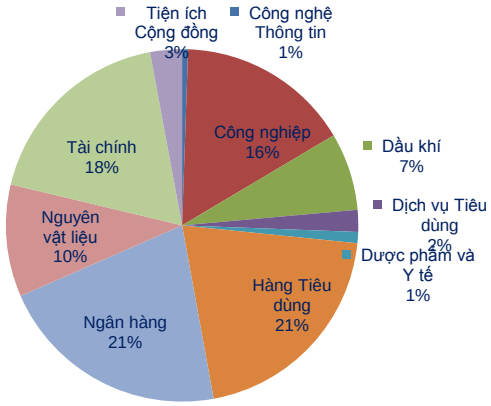


## Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

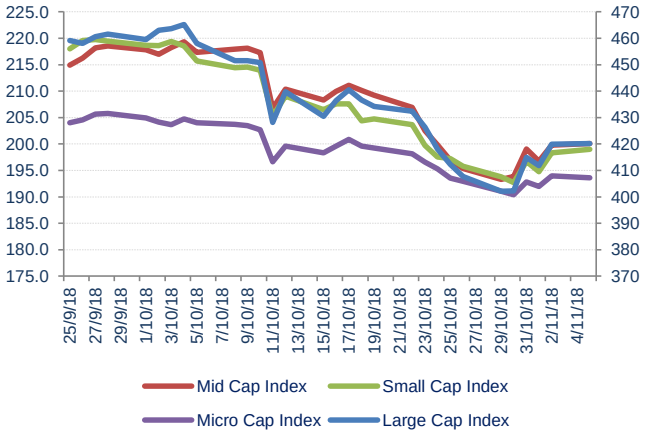


## Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

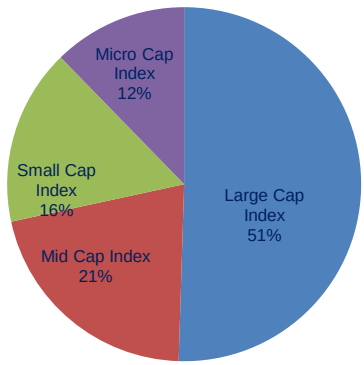


**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

## HOSE

## HNX

### Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | HPG | 2,522,600 | VFG | 2,108,329 |
| 2 | GMD | 711,760 | HBC | 526,450 |
| 3 | MSN | 666,810 | HDB | 477,990 |
| 4 | SSI | 644,550 | VNM | 393,670 |
| 5 | KBC | 598,930 | JVC | 369,230 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | PVS | 216,900 | PVX | 340,000 |
| 2 | SHB | 40,100 | THT | 100,000 |
| 3 | ART | 10,200 | PVB | 30,000 |
| 4 | TNG | 5,800 | VGC | 22,400 |
| 5 | DHT | 5,000 | BPC | 9,000 |

### Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|---|---|---|---|---|
| HNG | 14.75 | 14.95 | 1.36% | 6,268,900 |
| OGC | 2.82 | 3.01 | 6.74% | 6,228,210 |
| PVD | 16.30 | 16.95 | 3.99% | 4,330,210 |
| FLC | 5.26 | 5.19 | -1.33% | 4,214,490 |
| SBT | 20.80 | 21.50 | 3.37% | 3,834,930 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|---|---|---|---|---|
| NVB | 9.60 | 9.40 | -2.08% | 5,296,110 |
| PVS | 18.70 | 19.10 | 2.14% | 4,204,399 |
| SHB | 7.70 | 7.70 | 0.00% | 3,431,066 |
| ACB | 30.40 | 30.20 | -0.66% | 3,088,804 |
| ART | 4.60 | 4.50 | -2.17% | 2,169,719 |

### Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| GMC | 37.95 | 40.60 | 2.65 | 6.98% |
| FIR | 30.05 | 32.15 | 2.10 | 6.99% |
| DBD | 36.50 | 39.05 | 2.55 | 6.99% |
| VMD | 16.50 | 17.65 | 1.15 | 6.97% |
| HRC | 33.00 | 35.30 | 2.30 | 6.97% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| PCN | 5.00 | 5.50 | 0.50 | 10.00% |
| PHP | 11.10 | 12.20 | 1.10 | 9.91% |
| DTD | 17.20 | 18.90 | 1.70 | 9.88% |
| PCT | 6.10 | 6.70 | 0.60 | 9.84% |
| UNI | 7.20 | 7.90 | 0.70 | 9.72% |

### Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| PXT | 2.00 | 1.86 | -0.14 | -7.00% |
| AGF | 5.73 | 5.33 | -0.40 | -6.98% |
| SBV | 20.80 | 19.35 | -1.45 | -6.97% |
| VPK | 4.19 | 3.90 | -0.29 | -6.92% |
| TGG | 7.10 | 6.61 | -0.49 | -6.90% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|---|---|---|---|---|
| PVV | 0.70 | 0.60 | -0.10 | -14.29% |
| TTL | 6.00 | 5.40 | -0.60 | -10.00% |
| SPI | 1.00 | 0.90 | -0.10 | -10.00% |
| DCS | 1.00 | 0.90 | -0.10 | -10.00% |
| PJC | 45.10 | 40.60 | -4.50 | -9.98% |

*(*) Giá điều chỉnh*

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| HNG | 6,268,900 | -2.0% | (269) | - | 1.2 |
| OGC | 6,228,210 | 3250.0% | (680) | - | 4.0 |
| PVD | 4,330,210 | 0.4% | 153 | 110.9 | 0.5 |
| FLC | 4,214,490 | 4.8% | 590 | 8.8 | 0.4 |
| SBT | 3,834,930 | 7.5% | 940 | 22.9 | 1.7 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| NVB | 5,296,110 | 0.9% | 95 | 99.0 | 0.9 |
| PVS | 4,204,399 | 7.0% | 1,748 | 10.9 | 0.8 |
| SHB | 3,431,066 | 10.2% | 1,424 | 5.4 | 0.6 |
| ACB | 3,088,804 | 24.6% | 3,498 | 8.6 | 1.7 |
| ART | 2,169,719 | 10.2% | 1,189 | 3.8 | 0.4 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| GMC | 7.0% | 23.9% | 4,672 | 8.7 | 2.0 |
| FIR | 7.0% | 16.2% | 1,990 | 16.2 | 2.6 |
| DBD | 7.0% | 19.2% | 3,276 | 11.9 | 2.1 |
| VMD | 7.0% | 7.6% | 1,735 | 10.2 | 0.7 |
| HRC | 7.0% | 1.2% | 219 | 161.5 | 2.0 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| PCN | 10.0% | -40.6% | (2,409) | - | 1.1 |
| PHP | 9.9% | 9.6% | 1,197 | 10.2 | 1.1 |
| DTD | 9.9% | 12.0% | 1,294 | 14.6 | 1.5 |
| PCT | 9.8% | -10.7% | (1,148) | - | 0.7 |
| UNI | 9.7% | -0.5% | (48) | - | 0.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| HPG | 2,522,600 | 25.8% | 4,334 | 9.2 | 2.2 |
| GMD | 711,760 | 28.3% | 6,458 | 4.3 | 1.4 |
| MSN | 666,810 | 27.0% | 5,294 | 16.1 | 5.6 |
| SSI | 644,550 | 15.9% | 2,901 | 10.0 | 1.5 |
| KBC | 598,930 | 5.7% | 1,131 | 10.9 | 0.7 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| PVS | 216,900 | 7.0% | 1,748 | 10.9 | 0.8 |
| SHB | 40,100 | 10.2% | 1,424 | 5.4 | 0.6 |
| ART | 10,200 | 10.2% | 1,189 | 3.8 | 0.4 |
| TNG | 5,800 | 23.4% | 3,203 | 5.6 | 1.2 |
| DHT | 5,000 | 32.8% | 4,447 | 9.2 | 3.2 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| VIC | 306,396 | 5.2% | 1,205 | 79.7 | 5.9 |
| VHM | 241,165 | 14.3% | 7,048 | 10.2 | 2.1 |
| VCB | 203,274 | 21.0% | 3,359 | 16.8 | 3.3 |
| VNM | 202,876 | 37.7% | 5,556 | 21.0 | 8.0 |
| GAS | 195,797 | 28.2% | 6,557 | 15.6 | 4.6 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| ACB | 37,664 | 24.6% | 3,498 | 8.6 | 1.7 |
| VCS | 12,784 | 41.3% | 6,670 | 12.0 | 4.5 |
| SHB | 9,264 | 10.2% | 1,424 | 5.4 | 0.6 |
| PVS | 9,129 | 7.0% | 1,748 | 10.9 | 0.8 |
| VCG | 8,127 | 15.2% | 2,645 | 7.0 | 1.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| LDG | 2.79 | 18.2% | 1,979 | 8.3 | 1.4 |
| TCM | 2.55 | 20.7% | 4,319 | 5.9 | 1.1 |
| PVD | 2.36 | 0.4% | 153 | 110.9 | 0.5 |
| BID | 2.34 | 16.1% | 2,435 | 13.5 | 2.1 |
| SJF | 2.22 | 5.4% | 580 | 19.0 | 1.0 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|
| VE4 | 1.88 | 4.5% | 672 | 9.1 | 0.4 |
| BII | 1.87 | 1.4% | 155 | 7.1 | 0.1 |
| SHS | 1.82 | 24.4% | 3,932 | 3.6 | 0.8 |
| CEO | 1.61 | 9.9% | 1,486 | 8.5 | 1.1 |
| QNC | 1.61 | -730.6% | (7,227) | - | 5.1 |

**Website: www.shs.com.vn**

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển**
hien.nth@shs.com.vn

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**
thanh.nk@shs.com.vn

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**
thang.nd@shs.com.vn

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**
Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài,
Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**
Tầng 1&3, Tòa nhà AS, Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

**Chi nhánh Đà Nẵng**
97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779